



**PHỤ LỤC 1: TIỀN ĐỘ GỬI BÁO CÁO CỦA CÁC ĐƠN VỊ**

(Kèm theo Báo cáo số 16/BC-ĐGS ngày 03/12/2024 của Đoàn Giám sát HĐND Thành phố)

| STT       | CƠ QUAN, ĐƠN VỊ                                                                         | Đã gửi    | Ngày gửi báo cáo | Đúng hạn  |
|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------|-----------|------------------|-----------|
|           | <b>TỔNG CỘNG</b>                                                                        | <b>65</b> |                  | <b>26</b> |
| <b>I</b>  | <b>Các sở thuộc Thành phố</b>                                                           | <b>17</b> |                  | <b>8</b>  |
| 1         | Sở Kế hoạch và Đầu tư                                                                   | 1         | 26/9/2024        |           |
| 2         | Sở Tài chính                                                                            | 1         | 18/9/2024        |           |
| 3         | Sở Giao thông Vận tải                                                                   | 1         | 9/10/2024        |           |
| 4         | Sở Tài nguyên và Môi trường                                                             | 1         | 27/9/2024        |           |
| 5         | Sở Xây dựng                                                                             | 1         | 16/9/2024        |           |
| 6         | Sở Quy hoạch Kiến trúc                                                                  | 1         | 5/9/2024         | 1         |
| 7         | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn                                                  | 1         | 6/9/2024         | 1         |
| 8         | Sở Lao động, Thương binh và Xã hội                                                      | 1         | 6/9/2024         | 1         |
| 9         | Sở Giáo dục và Đào tạo                                                                  | 1         | 17/9/2024        |           |
| 10        | Sở Thông tin và Truyền thông                                                            | 1         | 10/9/2024        | 1         |
| 11        | Sở Khoa học và Công nghệ                                                                | 1         | 13/9/2024        |           |
| 12        | Sở Công thương                                                                          | 1         | 6/9/2024         | 1         |
| 13        | Sở Văn hóa, Thể thao                                                                    | 1         | 16/9/2024        |           |
| 14        | Sở Tư pháp                                                                              | 1         | 5/9/2024         | 1         |
| 16        | Sở Y tế                                                                                 | 1         | 8/9/2024         | 1         |
| 17        | Sở Nội vụ                                                                               | 1         | 10/9/2024        | 1         |
| 15        | Sở Du lịch                                                                              | 1         | 24/9/2024        |           |
| 18        | Sở Ngoại vụ                                                                             | 0         |                  |           |
| <b>II</b> | <b>Các ban, ngành Thành phố</b>                                                         | <b>18</b> |                  | <b>11</b> |
| 1         | Thanh tra Thành phố                                                                     | 1         | 27/9/2024        |           |
| 2         | Ban Dân tộc Thành phố                                                                   | 1         | 9/9/2024         | 1         |
| 3         | Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất                                             | 1         | 6/9/2024         | 1         |
| 4         | Ban quản lý Đường sắt đô thị thành phố Hà Nội                                           | 1         | 10/9/2024        |           |
| 5         | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình công trình hạ tầng kỹ thuật và nông nghiệp | 1         | 5/9/2024         | 1         |

| STT        | CƠ QUAN, ĐƠN VỊ                                                      | Đã gửi    | Ngày gửi báo cáo | Đúng hạn  |
|------------|----------------------------------------------------------------------|-----------|------------------|-----------|
| 6          | Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng Công trình dân dụng và công nghiệp | 1         | 6/9/2024         | 1         |
| 7          | Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông Thành phố    | 1         | 24/9/2024        |           |
| 8          | Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội Thành phố                | 1         | 19/9/2024        |           |
| 9          | Viện Quy hoạch xây dựng Thành phố                                    | 1         | 4/9/2024         | 1         |
| 10         | Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Hà Nội                                  | 1         | 6/9/2024         | 1         |
| 11         | Trung tâm xúc tiến Đầu tư - Thương mại - Du lịch Thành phố           | 0         |                  |           |
| 12         | Cục Thống kê Thành phố                                               | 1         | 6/9/2024         | 1         |
| 13         | Hội nông dân Thành phố                                               | 1         | 16/9/2024        |           |
| 14         | Cục Thuế thành phố Hà Nội                                            | 1         | 5/9/2024         |           |
| 15         | Bộ Tư lệnh Thủ đô                                                    | 1         | 4/9/2024         | 1         |
| 16         | Công an thành phố Hà Nội                                             | 1         | 6/9/2024         | 1         |
| 17         | Liên minh Hợp tác xã                                                 |           |                  |           |
| 18         | Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố                                      | 1         | 6/9/2024         | 1         |
| 19         | Trung tâm Bảo tồn di sản Thăng Long                                  | 1         | 20/9/2024        |           |
| 20         | Bảo hiểm xã hội Thành phố                                            | 1         | 4/9/2024         | 1         |
| <b>III</b> | <b>UBND các quận, huyện thị xã</b>                                   | <b>30</b> |                  | <b>11</b> |
| 1          | Ba Đình                                                              | 1         | 6/9/2024         | 1         |
| 2          | Ba Vì                                                                | 1         | 11/9/2024        |           |
| 3          | Bắc Từ Liêm                                                          | 1         | 19/9/2024        |           |
| 4          | Cầu Giấy                                                             | 1         | 18/9/2024        |           |
| 5          | Chương Mỹ                                                            | 1         | 11/9/2024        |           |
| 6          | Đan Phượng                                                           | 1         | 24/9/2024        |           |
| 7          | Đông Anh                                                             | 1         | 4/9/2024         | 1         |
| 8          | Đống Đa                                                              | 1         | 17/9/2024        |           |
| 9          | Gia Lâm                                                              | 1         | 24/9/2024        |           |
| 10         | Hà Đông                                                              | 1         | 11/9/2024        |           |
| 11         | Hai Bà Trưng                                                         | 1         | 6/9/2024         | 1         |
| 12         | Hoài Đức                                                             | 1         | 13/9/2024        |           |
| 13         | Hoàn Kiếm                                                            | 1         | 5/9/2024         | 1         |
| 14         | Hoàng Mai                                                            | 1         | 6/9/2024         | 1         |
| 15         | Long Biên                                                            | 1         | 6/9/2024         | 1         |
| 16         | Mê Linh                                                              | 1         | 6/9/2024         | 1         |
| 17         | Mỹ Đức                                                               | 1         | 6/9/2024         | 1         |

| STT | CƠ QUAN, ĐƠN VỊ | Đã gửi | Ngày gửi báo cáo | Đúng hạn |
|-----|-----------------|--------|------------------|----------|
| 18  | Nam Từ Liêm     | 1      | 30/9/2024        |          |
| 19  | Phú Xuyên       | 1      | 16/9/2024        |          |
| 20  | Phúc Thọ        | 1      | 23/9/2024        |          |
| 21  | Quốc Oai        | 1      | 20/9/2024        |          |
| 22  | Sóc Sơn         | 1      | 20/9/2024        |          |
| 23  | Sơn Tây         | 1      | 6/9/2024         | 1        |
| 24  | Tây Hồ          | 1      | 6/9/2024         | 1        |
| 25  | Thạch Thất      | 1      | 21/10/2024       |          |
| 26  | Thanh Oai       | 1      | 10/9/2024        |          |
| 27  | Thanh Trì       | 1      | 12/9/2024        |          |
| 28  | Thanh Xuân      | 1      | 20/9/2024        |          |
| 29  | Thường Tín      | 1      | 5/9/2024         | 1        |
| 30  | Ứng Hòa         | 1      | 11/9/2024        |          |

**PHỤ LỤC 2: KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỘT SỐ CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2021-2025 THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 20/NQ-HĐND NGÀY 23/9/2021 CỦA HĐND THÀNH PHỐ**

(Kèm theo Báo cáo số 16/BC-ĐGS ngày 03/12/2024 của Đoàn Giám sát HĐND Thành phố)

| TT | Chỉ tiêu                   | TH 2016-2020          | Chỉ tiêu Đại hội XVII        | Chỉ tiêu theo Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 23/9/2021 | TB 2021-2023 | KH 2024 *            | Kết quả thực hiện (đến tháng 9/2024) | NV 2025 *    | KH 2025     | TB 2021-2025 | Khả năng hoàn thành chỉ tiêu |          | Ghi chú                        |
|----|----------------------------|-----------------------|------------------------------|-------------------------------------------------------|--------------|----------------------|--------------------------------------|--------------|-------------|--------------|------------------------------|----------|--------------------------------|
|    |                            |                       |                              |                                                       |              |                      |                                      |              |             |              | Đạt                          | Ko đạt   |                                |
| 1  | 2                          | 3                     | 4                            |                                                       | 8            | 9                    |                                      | 10           | 11          | 12           | 13                           | 14       |                                |
| 1  | <b>Tăng trưởng GRDP, %</b> | <b>6,68</b>           | <b>7,5-8,0</b>               | <b>7,5</b>                                            | <b>6,02</b>  | <b>6,50</b>          | <b>6,12</b>                          | <b>13,10</b> | <b>7,00</b> | <b>6,31</b>  |                              | <b>1</b> | Có 2/5 chỉ tiêu thành phần đạt |
| -  | Dịch vụ                    | 6,43                  | 8,0-8,5                      | 8,0                                                   | 6,86         | 6,64                 | 6,76                                 | 12,92        | 7,00        | 6,84         |                              | 1        |                                |
| -  | Thuế SP                    | 5,34                  | 3,5-4,0                      |                                                       | 3,22         | 4,50                 | 3,54                                 | 3,35         | 4,50        | 3,73         | 1                            |          |                                |
| -  | CN-XD                      |                       | 8,5-9,0                      |                                                       | 5,30         | 7,38                 | 5,74                                 |              | 7,69        | 6,19         |                              |          |                                |
| +  | Công nghiệp                | 7,44                  | 7,5-8,0                      | 8,5                                                   | 5,49         | 7,00                 | 5,72                                 | 19,70        | 7,50        | 6,19         |                              | 1        |                                |
| +  | Xây dựng                   | 10,77                 | 10-10,5                      |                                                       | 3,82         | 8,00                 | 5,78                                 | 33,26        | 8,00        | 5,47         |                              | 1        |                                |
| -  | Nông nghiệp                | 2,58                  | 2,5-3,0                      | 2,5                                                   | 2,90         | 2,50                 | 2,47                                 | 1,30         | 2,50        | 2,74         | 1                            |          |                                |
| 2  | <b>Cơ cấu GRDP, %</b>      | <b>100</b>            | <b>100</b>                   |                                                       |              |                      |                                      |              |             |              |                              | <b>1</b> | Có 1/5 chỉ tiêu thành phần đạt |
| -  | Dịch vụ                    | 63,06                 | 65,0-65,5                    | 65,0-65,5                                             | 1,00         |                      |                                      |              |             |              |                              | 1        |                                |
| -  | Thuế SP                    | 11,02                 | 10,4-10,6                    |                                                       | (0,70)       |                      |                                      |              |             |              | 1                            |          |                                |
| -  | Công nghiệp                | 15,82                 | 22,5-23,0                    | 22,5-23                                               | (0,34)       |                      |                                      |              |             |              |                              | 1        |                                |
| -  | Xây dựng                   | 7,86                  |                              |                                                       | 0,31         |                      |                                      |              |             |              |                              | 1        |                                |
| -  | Nông nghiệp                | 2,24                  | 1,4-1,6                      | 1,4-1,6                                               | (0,27)       |                      |                                      |              |             |              |                              | 1        |                                |
| 3  | <b>GRDP, triệu đ/người</b> | <b>123,69 (5.325)</b> | <b>192-196 (8.300-8.500)</b> | <b>8,300 USD</b>                                      |              | <b>160,8 - 162,0</b> |                                      |              | <b>173</b>  |              |                              | <b>1</b> |                                |

| TT  | Chỉ tiêu                                                                 | TH 2016-2020 | Chỉ tiêu Đại hội XVII | Chỉ tiêu theo Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 23/9/2021 | TB 2021-2023 | KH 2024 * | Kết quả thực hiện (đến tháng 9/2024) | NV 2025 * | KH 2025 | TB 2021-2025 | Khả năng hoàn thành chỉ tiêu |        | Ghi chú                        |
|-----|--------------------------------------------------------------------------|--------------|-----------------------|-------------------------------------------------------|--------------|-----------|--------------------------------------|-----------|---------|--------------|------------------------------|--------|--------------------------------|
|     |                                                                          |              |                       |                                                       |              |           |                                      |           |         |              | Đạt                          | Ko đạt |                                |
| 1   | 2                                                                        | 3            | 4                     |                                                       | 8            | 9         |                                      | 10        | 11      | 12           | 13                           | 14     |                                |
| 4   | Vốn đầu tư phát triển, 1000 tỷ d.                                        | 1.716,3      | 3.100-3.200           | 3.100                                                 | 1.359,8      | 548,64    | 9,7                                  | 1.192     | 606     | 2.515        |                              | 1      |                                |
| -   | Vốn đầu tư phát triển tăng, %                                            | 38,92        | 12,5-13,5             |                                                       |              | 10,5-11,5 |                                      | 117,175   |         |              |                              | 1      |                                |
| 5   | Kinh tế số trong GRDP, %                                                 |              | 30                    | 30                                                    |              |           | BC cuối năm                          | 30,00     |         |              |                              | 1      |                                |
| 6   | Năng suất lao động tăng, %                                               | 5,74         | 7,0-7,5               | >7,0                                                  | 4,81         |           | BC cuối năm                          | >10       |         |              |                              | 1      |                                |
| 7   | Tỷ lệ tổ dân phố được công nhận và giữ vững danh hiệu Tổ dân phố văn hóa |              | 75,0                  | 75,0                                                  |              | 74        | BC cuối năm                          |           |         |              | 1                            |        | Có 3/3 chỉ tiêu thành phần đạt |
| 7.1 | Tỷ lệ thôn, làng được công nhận và giữ vững danh hiệu Thôn, làng văn hóa |              | 65,0                  | 65,0                                                  |              | 65        |                                      |           |         |              | 1                            |        |                                |
| 7.2 | Tỷ lệ gia đình được công nhận và giữ vững danh hiệu Gia đình văn hóa     |              | 86-88                 | 86-88                                                 |              | 88        |                                      |           |         |              | 1                            |        |                                |
| 8   | Tỷ lệ trường công lập đạt chuẩn quốc gia, %                              | 70           | 80-85                 | 80-85                                                 |              | 79,4      | 79,7                                 |           |         |              | 1                            |        |                                |
| 9   |                                                                          |              |                       |                                                       |              |           |                                      |           |         |              | 1                            |        |                                |
| 9.1 | Số giường bệnh/vạn dân                                                   | 27,1         | 30-35                 | 30-35                                                 |              | 35,83     | BC cuối năm                          |           |         |              | 1                            |        |                                |

| TT   | Chỉ tiêu                                                 | TH 2016-2020 | Chỉ tiêu Đại hội XVII | Chỉ tiêu theo Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 23/9/2021 | TB 2021-2023 | KH 2024 * | Kết quả thực hiện (đến tháng 9/2024) | NV 2025 * | KH 2025 | TB 2021-2025 | Khả năng hoàn thành chỉ tiêu |        | Ghi chú                        |
|------|----------------------------------------------------------|--------------|-----------------------|-------------------------------------------------------|--------------|-----------|--------------------------------------|-----------|---------|--------------|------------------------------|--------|--------------------------------|
|      |                                                          |              |                       |                                                       |              |           |                                      |           |         |              | Đạt                          | Ko đạt |                                |
| 1    | 2                                                        | 3            | 4                     |                                                       | 8            | 9         |                                      | 10        | 11      | 12           | 13                           | 14     |                                |
| 9.2  | Số bác sĩ/vận dân                                        | 13,5         | 15                    | 15                                                    |              | 15,8      | BC cuối năm                          |           |         |              | 1                            |        | Có 3/3 chỉ tiêu thành phần đạt |
| 9.3  | Duy trì xã, phường đạt chuẩn quốc gia về y tế, %         |              | 100                   | 100                                                   |              | 100       | BC cuối năm                          |           |         |              | 1                            |        |                                |
| 10   |                                                          |              |                       |                                                       |              |           |                                      |           |         |              | 1                            |        |                                |
| 10.1 | Tỷ lệ lao động qua đào tạo, %                            |              | 75-80                 |                                                       |              | 74,2      | BC cuối năm                          | 75        |         |              | 1                            |        | Có 2/2 chỉ tiêu thành phần đạt |
| 10.2 | Tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ, %                 | 48,5         | 55-60                 | 55-60                                                 |              | 54        | BC cuối năm                          | 55        |         |              | 1                            |        |                                |
| 11   | Tỷ lệ thất nghiệp thành thị, %                           | 3,22         | <3                    | <3                                                    |              | <3,0      | BC cuối năm                          |           |         |              | 1                            |        |                                |
| 12   | Tỷ lệ hộ nghèo, %                                        | 0,21         | 0                     | 0                                                     |              | 0,04      | BC cuối năm                          |           |         |              | 1                            |        |                                |
|      | Tỷ lệ hộ tái nghèo theo tiêu chuẩn của Thành phố, %      |              | 0                     |                                                       |              |           | BC cuối năm                          |           |         |              | 1                            |        |                                |
| 13   |                                                          |              |                       |                                                       |              |           |                                      |           |         |              | 1                            |        |                                |
| 13.1 | Tỷ lệ huyện đạt chuẩn NTM, %                             | 96,3         | 100                   | 100                                                   | 100          |           | BC cuối năm                          |           |         |              | 1                            |        | Có 3/3 chỉ tiêu thành phần đạt |
| 13.2 | Tỷ lệ xã đạt chuẩn NTM nâng cao, %                       |              | 40                    | 40                                                    |              | 40        | BC cuối năm                          |           |         |              | 1                            |        |                                |
| 13.3 | Tỷ lệ xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu, %                       |              | 20                    | 20                                                    |              | 35        | BC cuối năm                          |           |         |              | 1                            |        |                                |
| 13.4 | Hoàn thành mục tiêu XDNTM cấp TP                         |              |                       |                                                       |              |           |                                      |           |         |              |                              |        |                                |
| 14   |                                                          |              |                       |                                                       |              |           |                                      |           |         |              |                              | 1      |                                |
| 14.1 | Tỷ lệ đô thị hóa, %                                      | 49,2         | 60-62                 | 60-62                                                 |              | 60        | BC cuối năm                          |           |         |              |                              | 1      | Có 1/2 chỉ tiêu thành phần đạt |
| 14.2 | Tỷ lệ diện tích phủ kín của các QH chung, QH phân khu, % | 83           | 100                   | 100                                                   |              | 95        | BC cuối năm                          |           |         |              | 1                            |        |                                |
| 15   | Diện tích nhà ở bình quân (m2 sàn/người)                 | 27,25        | 29,5                  | 29,5                                                  |              | 28,8      | BC cuối năm                          | 29,5      |         |              |                              |        | Chưa có đánh giá               |

| TT   | Chỉ tiêu                                                                                            | TH 2016-2020 | Chỉ tiêu Đại hội XVII | Chỉ tiêu theo Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 23/9/2021 | TB 2021-2023 | KH 2024 * | Kết quả thực hiện (đến tháng 9/2024) | NV 2025 * | KH 2025 | TB 2021-2025 | Khả năng hoàn thành chỉ tiêu |        | Ghi chú                                                                                                                                                   |
|------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|-----------------------|-------------------------------------------------------|--------------|-----------|--------------------------------------|-----------|---------|--------------|------------------------------|--------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|      |                                                                                                     |              |                       |                                                       |              |           |                                      |           |         |              | Đạt                          | Ko đạt |                                                                                                                                                           |
| 1    | 2                                                                                                   | 3            | 4                     |                                                       | 8            | 9         |                                      | 10        | 11      | 12           | 13                           | 14     |                                                                                                                                                           |
| 16   | Tỷ lệ nhà chung cư trong các dự án phát triển nhà ở tại đô thị, %                                   | —            | 90                    | 90                                                    |              |           | BC cuối năm                          |           |         |              |                              |        | Chưa có đánh giá (Sở Xây dựng kiến nghị bỏ, do Chiến lược phát triển nhà ở Quốc gia gần 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 không còn quy định nội dung trên |
| 17   | Tỷ lệ nhà ở cho thuê trong các dự án đầu tư xây dựng mới nhà ở xã hội đạt                           | —            | 30                    | 30                                                    |              |           | BC cuối năm                          |           |         |              |                              |        |                                                                                                                                                           |
| 18   | Tỷ lệ hộ dân được cung cấp nước sạch, %                                                             |              |                       |                                                       |              |           | BC cuối năm                          |           |         |              |                              | 1      |                                                                                                                                                           |
| -    | Khu vực thành thị                                                                                   | ≈ 100        | 100                   | 100                                                   | 100          | 100       | BC cuối năm                          |           |         |              | 1                            |        | Có 1/2 chỉ tiêu thành phần đạt                                                                                                                            |
| -    | Khu vực nông thôn                                                                                   | 78           | 100                   | 100                                                   |              | 95        | BC cuối năm                          |           |         |              |                              | 1      |                                                                                                                                                           |
| 19   | Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị và nông thôn bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn, % | ≈ 100        | 100                   | 100                                                   | 100          | 100       | BC cuối năm                          |           |         |              |                              | 1      |                                                                                                                                                           |
| 19.1 | Tỷ lệ chất thải nguy hại được xử lý, %                                                              | 100          | 100                   |                                                       |              |           | BC cuối năm                          |           |         |              | 1                            |        | Có 3/4 chỉ tiêu thành phần đạt                                                                                                                            |
| 19.2 | Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường, %                                        | 100          | 100                   |                                                       | 100          | 100       | BC cuối năm                          |           |         |              | 1                            |        |                                                                                                                                                           |
| 19.3 | Tỷ lệ CCN, CCN làng nghề có trạm xử lý nước thải, %                                                 |              | 100                   |                                                       |              | 100       | BC cuối năm                          |           |         |              | 1                            |        |                                                                                                                                                           |
| -    | Xây mới                                                                                             |              |                       |                                                       |              | 100       | BC cuối năm                          |           |         |              |                              |        |                                                                                                                                                           |
| -    | Đang hoạt động                                                                                      |              |                       |                                                       |              | 100       | BC cuối năm                          |           |         |              |                              |        |                                                                                                                                                           |
| 19.4 | Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý, %                                                                | 28,8         | 50-55                 | 50-55                                                 |              | 40        | BC cuối năm                          |           |         |              |                              | 1      |                                                                                                                                                           |

| TT | Chỉ tiêu                              | TH 2016-2020 | Chỉ tiêu Đại hội XVII | Chỉ tiêu theo Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 23/9/2021 | TB 2021-2023 | KH 2024 * | Kết quả thực hiện (đến tháng 9/2024) | NV 2025 * | KH 2025 | TB 2021-2025 | Khả năng hoàn thành chỉ tiêu |        | Ghi chú                     |
|----|---------------------------------------|--------------|-----------------------|-------------------------------------------------------|--------------|-----------|--------------------------------------|-----------|---------|--------------|------------------------------|--------|-----------------------------|
|    |                                       |              |                       |                                                       |              |           |                                      |           |         |              | Đạt                          | Ko đạt |                             |
| 1  | 2                                     | 3            | 4                     |                                                       | 8            | 9         |                                      | 10        | 11      | 12           | 13                           | 14     |                             |
| 20 | Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng, % | 13,4         | 30-35                 |                                                       |              | 22-25     | BC cuối năm                          |           |         |              |                              | 1      |                             |
|    |                                       |              |                       |                                                       |              |           | BC cuối năm                          |           |         |              | 7                            | 10     | 3 chỉ tiêu chưa có đánh giá |

Ghi chú \*: Với chỉ tiêu KH 2024 là một khoảng, tương ứng chỉ tiêu tuyệt đối trong biểu này (cột KH 2024, NV 2025) là số cận dưới để dễ tính toán



**PHỤ LỤC 3: TỔNG HỢP ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ  
VỚI CÁC CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG VÀ CÁC BỘ NGÀNH**

(Kèm theo Báo cáo số 16/BC-ĐGS ngày 03/12/2024 của Đoàn Giám sát HĐND Thành phố)

| TT       | Nội dung đề xuất, kiến nghị                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Cơ quan chủ trì     |
|----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
| <b>I</b> | <b>Đề xuất, kiến nghị Quốc hội và Chính phủ</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                     |
| 1        | Cho phép giữ nguyên các khoản đã tạm ứng cho các nhà cung cấp trong công tác phòng chống dịch COVID-19 để theo dõi chờ xử lý.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Quốc hội            |
| 2        | Ban hành cơ chế đối với việc chi trả các khoản kinh phí phục vụ công tác phòng, chống dịch COVID-19 đã phát sinh nêu trên để đảm bảo nguồn tài chính cho các cơ sở y tế tiếp tục thực hiện tốt hơn các nhiệm vụ chuyên môn được giao và đảm bảo đời sống cho người lao động.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Quốc hội            |
| 3        | Sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hệ thống tư pháp đảm bảo thống nhất, đồng bộ khả thi trong đó đặc biệt cần sớm hoàn thiện quy định pháp luật về công tác ban hành, kiểm tra, rà soát văn bản; quy định pháp luật về cán bộ, công chức làm pháp chế.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Quốc hội            |
| 4        | Sửa đổi, bổ sung Luật về lý lịch tư pháp, Luật Hộ tịch, Luật Công chứng, Luật sư, một số luật chuyên ngành thuộc lĩnh vực tư pháp và Luật có liên quan theo hướng cắt giảm, đơn giản hóa thành phần hồ sơ, quy trình, thủ tục giải quyết thủ tục hành chính, bỏ khâu trung gian, tăng cường phân quyền, xác định rõ vai trò của chính quyền cấp huyện, cấp xã và cơ chế kiểm soát quyền lực; quy định rõ chế tài xử lý nghiêm khắc hơn; có cơ chế tài chính phù hợp để tạo cơ chế, thể chế, môi trường cạnh tranh bình đẳng giữa các tổ chức hành nghề hỗ trợ công lập và ngoài công lập (hiện nay cơ chế tài chính đối với đơn vị công lập chưa phù hợp nên gặp phải khó khăn); tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, xây dựng thống nhất phạm vi toàn quốc các cơ sở dữ liệu hộ tịch, lý lịch tư pháp, luật sư, công chứng, thừa phát lại, xử lý vi phạm hành chính,...; quy định nội dung, biện pháp, quy trình, tiêu chuẩn, sản phẩm, trách nhiệm, thời hạn kết nối, chia sẻ các cơ sở dữ liệu; kết nối các cơ sở dữ liệu của ngành tòa án, thi hành án, của viện kiểm sát,... với cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp có liên quan với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, tiến tới bỏ việc thu phí cấp phiếu, bỏ quy định về cấp phiếu lý lịch tư pháp (coi đây là 01 trường thông tin trong Cơ sở dữ liệu Quốc gia về dân cư). | Quốc hội            |
| 5        | Chỉ đạo xây dựng và sớm ban hành Luật khu công nghiệp và khu kinh tế để tạo hành lang pháp lý cho hoạt động của các khu công nghiệp, khu kinh tế.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Quốc hội, Chính phủ |
| 6        | Thể chế hóa Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới, trong đó có nội dung “Phát triển nguồn nhân lực pháp luật, hiện đại hóa phương thức, phương tiện xây dựng pháp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Chính phủ           |

| TT | Nội dung đề xuất, kiến nghị                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Cơ quan chủ trì     |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
|    | luật và tổ chức thực hiện pháp luật. Củng cố, kiện toàn tổ chức pháp chế, tổ chức làm công tác pháp luật; nâng cao năng lực, trình độ, bản lĩnh chính trị của đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác xây dựng và thi hành pháp luật”.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                     |
| 7  | Đề nghị Cục kiểm soát thủ tục hành chính - Văn phòng Chính phủ quan tâm, tạo điều kiện tiếp tục nâng cấp, hoàn thiện, chia sẻ, kết nối, liên thông Cổng Dịch vụ công Quốc gia và Hệ thống thông tin giải quyết Thủ tục hành chính của Thành phố để tạo điều kiện thuận lợi cho công chức và công dân thực hiện thuận lợi các dịch vụ công trực tuyến                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Chính phủ           |
| 8  | Ban hành các quy định về việc xử lý số tiền chậm đóng BHXH, BHYT đối với các đơn vị, doanh nghiệp giải thể, ngừng hoạt động, chưa hoàn thành việc trích, đóng BHXH, BHYT cho người lao động.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Chính phủ           |
| 9  | Xem xét, đẩy nhanh tiến độ chấp thuận chủ trương đối với các Dự án hạ tầng khu công nghiệp, trong đó có khu công nghiệp Bắc Thường Tín, Khu công nghệ cao sinh học Hà Nội.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Chính phủ           |
| 10 | Xem xét sửa đổi Nghị định 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ Quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước để khắc phục các vướng mắc trong thời gian qua.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Thủ tướng Chính phủ |
| 11 | Phân cấp tối đa cho UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong việc xem xét điều chỉnh cục bộ quy hoạch, kế hoạch đảm bảo linh hoạt trong điều hành, tổ chức thực hiện quy hoạch của địa phương: phân cấp ủy quyền cho Thành phố Hà Nội (và các thành phố trực thuộc Trung ương) được chủ động quyết định việc điều chỉnh, cập nhật các công trình điện rác, công trình nguồn điện tại địa phương nằm trong tổng công suất đã được phân bổ, tự quyết định phát triển công trình điện lưới điện dưới 220kV trong Quy hoạch Thủ đô giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 phù hợp với kết cấu lưới điện và khả năng cung ứng của hệ thống điện 220kV, 500kV được đầu tư xây dựng theo Quy hoạch phát triển lưới điện Quốc gia, báo cáo kết quả gửi Thủ tướng Chính phủ; được điều chỉnh, bổ sung cục bộ quy hoạch các công trình điện trung áp cấp thiết nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu cấp điện cấp thiết phục vụ phát triển kinh tế - xã hội Thủ đô. | Thủ tướng Chính phủ |
| 12 | Ban hành Quyết định phê duyệt cập nhật, bổ sung Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII để Thành phố Hà Nội có cơ sở thực hiện các dự án nhà máy điện rác trên địa bàn.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Thủ tướng Chính phủ |
| 13 | Xem xét, điều chỉnh giá điện theo hướng đơn giản biểu giá điện: Đơn giản, có mức giảm trừ giữa giá mua buôn và bán lẻ hợp lý, giảm số bậc thang, minh bạch hạn chế bù chéo, tiến tới thị trường bán lẻ điện cạnh tranh, điều chỉnh giá linh hoạt theo giá thị trường.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Thủ tướng Chính phủ |

| TT        | Nội dung đề xuất, kiến nghị                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Cơ quan chủ trì                      |
|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|
| 14        | Ban hành quy định, hướng dẫn về phát triển điện mặt trời mái nhà để các địa phương có cơ sở triển khai thực hiện trong đó mở rộng đối tượng áp dụng và nâng mức sản lượng điện dư được bán lên lưới, giá bán điện phù hợp để khuyến khích các Nhà đầu tư; xem xét phân bổ tăng thêm công suất điện mặt trời mái nhà đến năm 2030 cho Thành phố Hà Nội để đáp ứng nhu cầu cần thiết thực tế và tận dụng được tiềm năng của Thành phố Hà Nội về phát triển năng lượng mặt trời mái nhà.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Thủ tướng Chính phủ                  |
| 15        | Nghiên cứu ban hành các quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy định về đất đai, phòng cháy chữa cháy, môi trường, xây dựng, điện lực, hướng dẫn về quy hoạch và phát triển trạm sạc xe điện để thống nhất trong quản lý, phát triển trạm sạc xe điện trên phạm vi cả nước nói chung và thành phố Hà Nội nói riêng.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Chính phủ, các Bộ, ngành             |
| 16        | Ban hành quy định về chính sách cụ thể, trực tiếp, thiết thực đối với các đơn vị điện lực hỗ trợ khách hàng về giá bán điện, quản lý vận hành để khuyến khích khách hàng tham gia các chương trình Quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, chương trình Quốc gia về quản lý nhu cầu điện; xem xét ban hành các chế tài cao hơn để khách hàng sử dụng điện từng bước thay đổi thói quen, hành vi trong sử dụng điện tiết kiệm và hiệu quả                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Chính phủ, Bộ Công thương            |
| <b>II</b> | <b>Đề xuất, kiến nghị các Bộ, Ban, Ngành</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                      |
| 1         | <p>Đề nghị sớm ban hành Luật Công nghiệp trọng điểm và có các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển lĩnh vực công nghiệp ưu tiên, công nghiệp hỗ trợ... đủ mạnh để thúc đẩy phát triển theo định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 của Bộ Chính trị và Chính Phủ, theo kịp xu hướng phát triển doanh nghiệp của các nước trong khu vực và thế giới.</p> <p>- Đề nghị sớm đánh giá, đề xuất xây dựng Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ giai đoạn 2026 – 2030 và các năm tiếp theo và các cơ chế, chính sách có liên quan để các tỉnh, thành phố có căn cứ triển khai thực hiện.</p> <p>- Đề nghị hỗ trợ Thành phố thu hút đầu tư lĩnh vực công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp sạch, công nghiệp bán dẫn, hydrogen xanh, hỗ trợ xây dựng nhà máy thông minh, nhà máy xanh, doanh nghiệp xanh, doanh nghiệp sạch... tập trung vào các ngành công nghiệp ưu tiên, công nghiệp chủ lực, công nghiệp hỗ trợ, kết nối doanh nghiệp với các doanh nghiệp trong chuỗi cung ứng trong nước và nước ngoài.</p> | Bộ Công Thương                       |
| 2         | Có cơ chế hỗ trợ (về miễn, giảm tiền thuê đất, về ưu đãi lãi suất cho vay đối với đầu tư xây dựng chợ,...) đối với các doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia đầu tư xây dựng, quản lý, kinh doanh, khai thác chợ đảm bảo giảm chi phí đầu vào cho doanh nghiệp, hợp tác xã; tạo điều kiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, |

| TT | Nội dung đề xuất, kiến nghị                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Cơ quan chủ trì                        |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|
|    | cho doanh nghiệp, hợp tác xã thực hiện thu tiền thuê điểm kinh doanh tại chợ tương đương với mức thu áp dụng khi chợ do nhà nước quản lý đảm bảo an sinh xã hội.                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Bộ Tài nguyên và Môi trường            |
| 3  | Có Thông tư, Văn bản hướng dẫn việc triển khai Nghị định số 60/2024/NĐ-CP ngày 05/6/2024 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ. Trong đó cần tập trung liên quan đến các nội dung: xác định cơ quan thường trực quản lý nhà nước đối với tài sản kết cấu hạ tầng chợ (ngành Công Thương hay ngành Tài chính); quản lý ngân sách đối với các chợ do UBND cấp xã đang quản lý, khai thác; bổ sung các chế tài xử phạt vi phạm trong quá trình hoạt động của chợ. | Bộ Công Thương                         |
| 4  | Báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét sớm chấp thuận việc điều chỉnh phương án đầu nối dự án nhà máy điện rác Seraphin với lưới điện quốc gia để nhà đầu tư thực hiện dự án theo tiến độ đã cam kết với thành phố Hà Nội.                                                                                                                                                                                                                                             | Bộ Công thương                         |
| 5  | Nghiên cứu ban hành chính sách, đề án cụ thể hỗ trợ về tài chính, đào tạo, tập huấn cho các địa phương trong công tác triển khai chương trình chuyển đổi số trong ngành du lịch đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ và hiệu quả; xây dựng chương trình cụ thể triển khai hỗ trợ công tác xúc tiến, giới thiệu điểm đến du lịch Việt Nam và các địa phương từ nguồn kinh phí của Quỹ hỗ trợ phát triển du lịch.                                                         | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch        |
| 6  | Xem xét ban hành Chiến lược tổng thể tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu du lịch Việt Nam trong đó có du lịch Hà Nội tại các thị trường quốc tế trọng điểm, tiềm năng                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch        |
| 7  | Ban hành bổ sung Bộ thủ tục hành chính với tiếp nhận hồ sơ kế hoạch liên kết chuỗi theo Nghị định 98/2018/NĐ CP tại Quyết định số 4660/QĐ-BNN-KTHT ngày 26/11/2018.                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 8  | Sớm hoàn thiện và ban hành “Đề án đẩy mạnh cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp”.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 9  | Sớm tham mưu cho Chính phủ ban hành Nghị định về chính sách khuyến khích phát triển kinh tế trang trại.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 10 | Chỉ đạo các cơ quan đơn vị chuyên môn chủ trì hỗ trợ, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật tiên tiến thúc đẩy phát triển nuôi trồng thủy sản Hà Nội đạt mục tiêu đề ra.                                                                                                                                                                                                                                 | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |

| TT | Nội dung đề xuất, kiến nghị                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Cơ quan chủ trì                        |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|
| 11 | Hỗ trợ đầu tư thực hiện dự án nuôi trồng thủy sản công nghệ cao; Đầu tư, hỗ trợ phát triển cơ sở sản xuất giống chất lượng cao (chép, cá rô phi,...) đáp ứng cho Hà Nội đủ con giống chất lượng cao cho phát triển sản xuất.                                                                                                                                           | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 12 | Phối hợp các các Bộ, ngành Trung ương quan tâm, hỗ trợ thành phố Hà Nội và các tỉnh, thành phố đẩy mạnh phát triển hệ thống hạ tầng thương mại trên địa bàn; Đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử, hoàn thành Hệ thống truy xuất nguồn gốc hàng hóa Quốc gia; tăng cường xúc tiến thương mại trong nước và nước ngoài cho các sản phẩm nông sản, đặc sản của Việt Nam. | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 13 | Phối hợp chặt chẽ với các Sở, ngành của thành phố Hà Nội triển khai hiệu quả Chương trình phối hợp Đảm bảo an toàn thực phẩm, nâng cao chất lượng, giá trị chuỗi cung ứng nông lâm thủy sản giữa thành phố Hà Nội và các tỉnh, thành phố trong cả nước giai đoạn 2021-2025.                                                                                            | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 14 | Ban hành định mức kỹ thuật hỗ trợ phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, chuyển đổi số, hữu cơ, phát triển kinh tế tuần hoàn, sinh thái, du lịch trải nghiệm nông nghiệp; định mức kinh tế kỹ thuật về máy móc, thiết bị, hệ thống máy móc, thiết bị trong nông nghiệp; có chế, chính sách phát triển cơ điện nông nghiệp,...                                  | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 15 | Tham mưu Chính phủ ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 57/2018/NĐ-CP về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.                                                                                                                                                                                                           | Bộ Kế hoạch và Đầu tư                  |
| 16 | Cho phép tính diện tích sàn sử dụng/học sinh thay thế cho diện tích đất/học sinh; Cho phép nâng thêm tầng cao công trình, tăng mật độ xây dựng và được phép xây dựng tầng hầm dựa trên nguyên tắc đảm bảo an toàn cho cho học sinh, bố trí học sinh học ở các tầng thấp, cán bộ giáo viên làm việc tại tầng cao.                                                       | Chính phủ và Bộ Giáo dục và Đào tạo    |
| 17 | Ban hành một số bộ mẫu thiết bị để các địa phương tham khảo, xây dựng dự toán chi tiết, thẩm định giá để phục vụ công tác đấu thầu mua sắm được thuận lợi                                                                                                                                                                                                              | Bộ Giáo dục và Đào tạo                 |
| 18 | Tham mưu Chính phủ hoàn thiện các cơ chế, chính sách về khuyến khích, thúc đẩy khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, đưa vào văn bản quy phạm pháp luật những khái niệm mới như đầu tư mạo hiểm, doanh nghiệp khởi nguồn (spin-off), cơ chế thử nghiệm có kiểm soát...                                                                                                         | Bộ Kế hoạch và Đầu tư                  |
| 19 | Chia sẻ dữ liệu Khám chữa bệnh Bảo hiểm Y tế của người dân trên địa bàn Thành phố từ cơ sở dữ liệu BHXH cho hệ thống Hồ sơ sức khỏe điện tử Thành phố Hà Nội từ năm 2020 đến thời điểm hiện tại.                                                                                                                                                                       | Bộ Y tế, Bảo hiểm xã hội Việt Nam      |

| TT | Nội dung đề xuất, kiến nghị                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Cơ quan chủ trì                   |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|
| 20 | Cung cấp tích hợp hàm API xác minh thông tin đối tượng Bảo hiểm Y tế phục vụ cho Thành phố xác minh làm sạch thông tin đối tượng tham gia bảo hiểm Y tế của Thành phố.                                                                                                                                                                                                       | Bộ Y tế, Bảo hiểm xã hội Việt Nam |
| 21 | Kết nối với cơ sở dữ liệu ngành Bảo hiểm phục vụ việc tra cứu xác minh thông tin đối tượng tham gia Bảo hiểm y tế và chia sẻ dữ liệu khám bệnh, chữa bệnh của người dân trên địa bàn Thành phố Hà Nội với Hồ sơ sức khỏe của Thành phố                                                                                                                                       | Bộ Y tế, Bảo hiểm xã hội Việt Nam |
| 22 | Chia sẻ dữ liệu Khám chữa bệnh BHYT của người dân Hà Nội khám tại các bệnh viện tuyến Trung ương, bệnh viện bộ ngành đóng trên địa bàn Thành phố Hà Nội khám tại các bệnh viện ngoài địa bàn Thành phố Hà Nội.                                                                                                                                                               | Bộ Y tế, Bảo hiểm xã hội Việt Nam |
| 23 | Kiến nghị Chính phủ chỉnh sửa, bổ sung các điều khoản quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế sát với Luật khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023.                                                                                                                                                                                                               | Bộ Y tế                           |
| 24 | Tham mưu Chính phủ ban hành Nghị định hướng dẫn triển khai Nghị quyết số 99/2023/QH15                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Bộ Y tế                           |
| 25 | Hướng dẫn, cho phép điều chuyển xe ô tô cứu thương khi chưa được xác lập sở hữu toàn dân để đảm bảo sử dụng hiệu quả tài sản, tránh lãng phí.                                                                                                                                                                                                                                | Bộ Y tế                           |
| 26 | Có văn bản hướng dẫn cụ thể về phân cấp các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh để các Sở Y tế triển khai đạt tiến độ.                                                                                                                                                                                                                                                                | Bộ Y tế                           |
| 27 | Quy định cụ thể danh mục kỹ thuật nào cần được đào tạo, cấp Chứng chỉ thì mới được thực hiện.                                                                                                                                                                                                                                                                                | Bộ Y tế                           |
| 28 | Cho phép các bác sỹ được đào tạo hồi sức cấp cứu nhưng chưa được cấp chứng chỉ hành nghề về hồi sức cấp cứu được tham gia hướng dẫn thực hành.                                                                                                                                                                                                                               | Bộ Y tế                           |
| 29 | Hướng dẫn về công tác cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khối y tế cơ quan, trường học                                                                                                                                                                                                                                                               | Bộ Y tế                           |
| 30 | Hướng dẫn cụ thể trong việc Quản lý, mua sắm Dược liệu, vị thuốc cổ truyền.                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Bộ Y tế                           |
| 31 | Triển khai kết nối liên thông phải đồng bộ, quản lý, truy xuất được đường đi của thuốc từ nhà sản xuất, nhà nhập khẩu thuốc đến cơ sở bán buôn, cơ sở bán lẻ, đồng bộ với hệ thống liên thông đơn thuốc của các cơ sở khám chữa bệnh. Hệ thống phải tích hợp đồng bộ, liên thông dữ liệu giữa các phần mềm quản lý việc kê đơn, nhập khẩu, sản xuất, bán buôn, bán lẻ thuốc. | Bộ Y tế                           |

| TT | Nội dung đề xuất, kiến nghị                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Cơ quan chủ trì |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
| 32 | Nâng cấp, hoàn thiện Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia hiện nay nhằm đáp ứng việc chuyển dữ liệu của các cơ sở, tránh bị gián đoạn khi liên thông lên hệ thống. Hoàn thiện, cải tiến các chức năng để thuận tiện cho việc sử dụng, tra cứu dữ liệu phục vụ cho công tác quản lý, kiểm tra giám sát.                                                                                                                                                                                                                                                               | Bộ Y tế         |
| 33 | Danh mục thuốc dùng chung phải được chuẩn hóa, lấy thông tin từ giấy đăng ký lưu hành đã được cấp phép hiện còn hiệu lực, chuẩn hóa mã thuốc trên hệ thống đồng bộ dữ liệu với hệ thống liên thông cơ sở cung ứng thuốc, liên thông đơn thuốc của các cơ sở khám chữa bệnh, không cho việc các cơ sở khởi tạo thêm mã mới.                                                                                                                                                                                                                                      | Bộ Y tế         |
| 34 | Xây dựng phần mềm quản lý nhân sự đăng ký hành nghề khám bệnh, chữa bệnh, hành nghề Dược trên toàn quốc để thuận tiện cho việc tra cứu người hành nghề trên toàn quốc; Hướng dẫn về cách ghi Phạm vi hành nghề trên Giấy phép hành nghề của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh trên toàn quốc; Có giải pháp cụ thể về việc tăng cường công tác quản lý các cơ sở hành nghề y dược thống nhất trên toàn quốc, chú trọng đối với các cơ sở có yếu tố nước ngoài, người nước ngoài tham gia khám bệnh, chữa bệnh.                                                | Bộ Y tế         |
| 35 | Thống nhất chuẩn hóa về hình thức, tên gọi các loại văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận y dược để đảm bảo việc cấp Giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh được thống nhất và chính xác; Bổ sung các quy định pháp luật, các chế tài xử lý vi phạm trong lĩnh vực khám chữa bệnh: cho phép áp dụng các biện pháp, hình thức thu hồi, đình chỉ chứng chỉ hành nghề, giấy phép hoạt động đối với các cá nhân, tổ chức hành nghề vi phạm, tái phạm nhiều lần trong quá trình hoạt động.                                                                          | Bộ Y tế         |
| 36 | Hoàn thiện hệ thống các quy định về chuyên môn kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh bảo đảm cập nhật các tiến bộ khoa học kỹ thuật.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Bộ Y tế         |
| 37 | Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật về các lĩnh vực: Giám sát, phòng, chống các bệnh truyền nhiễm, HIV/AIDS, bệnh không lây nhiễm, bệnh nghề nghiệp, tai nạn thương tích; tiêm chủng; an toàn sinh học tại phòng xét nghiệm y tế; kiểm dịch y tế biên giới; vệ sinh sức khỏe môi trường, vệ sinh lao động, vệ sinh sức khỏe trường học; dinh dưỡng cộng đồng; phòng, chống tác hại của thuốc lá; phòng, chống tác hại của rượu, bia; chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt... theo điểm a khoản 5 Điều 2 của Nghị định 95/NĐ-CP ngày 15/11/2022. | Bộ Y tế         |
| 38 | Tham mưu Chính phủ ban hành quy định riêng rút ngắn trình tự, thủ tục, thời gian lựa chọn chủ đầu tư theo hình thức đấu thầu lựa chọn chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội theo chủ trương của Ban Bí thư tại Chỉ thị số 34-CT/TW (VD: giảm thời gian thực hiện tối đa khoảng 01 năm so với quy định hiện nay là 2 năm).                                                                                                                                                                                                                               | Bộ Xây dựng     |

| TT | Nội dung đề xuất, kiến nghị                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Cơ quan chủ trì |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
| 39 | Tham mưu Chính phủ ban hành cơ chế, chính sách ưu đãi đối với chủ đầu tư dự án nhà ở xã hội, người dân được hỗ trợ chính sách về nhà ở xã hội (VD: Nhà nước có cơ chế hỗ trợ cho chủ đầu tư vay vốn với lãi suất ưu đãi – tương tự như gói 30 nghìn tỷ của Chính phủ theo Thông tư số 02/2013/TT BXD ngày 08/3/2013 của Bộ Xây dựng; giảm lãi suất cho vay và tăng thời gian cho vay; đơn giản hóa thủ tục vay vốn của chủ đầu tư, người mua, thuê mua nhà ở xã hội,... trong Chương trình 120.000 tỷ đồng theo Nghị quyết 33 của Chính phủ, nhất là đối với chính sách hỗ trợ cho vay đối với các hộ gia đình cá nhân mua, thuê, thuê mua NOXH;...). | Bộ Xây dựng     |
| 40 | Tham mưu Chính phủ về Quy định rút ngắn tối đa trình tự thực hiện thủ tục GPMB, giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội so với các dự án đầu tư xây dựng có sử dụng đất theo quy định pháp luật về đất đai (Vi dụ: thực hiện GPMB tạo quỹ đất sạch ngay sau khi có chủ trương đầu tư dự án, trước khi lựa chọn chủ đầu tư nhằm giảm tối đa thời gian thực hiện dự án).                                                                                                                                                                                                                                                 | Bộ Xây dựng     |
| 41 | Tham mưu Chính phủ có cơ chế, chính sách đẩy mạnh phát triển nhà ở xã hội cho thuê đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, theo đó cần nghiên cứu để cắt giảm, đơn giản trình tự, thủ tục thời gian thực hiện dự án; nghiên cứu có cơ chế chính sách đối với dự án sử dụng mẫu thiết kế nhà ở xã hội, mẫu thiết kế điển hình nhằm giảm tối đa chi phí đầu tư xây dựng, giảm giá thành nhà ở xã hội, giảm thời gian thực hiện dự án.                                                                                                                                                                                                                 | Bộ Xây dựng     |
| 42 | Tham mưu Chính phủ ban hành hướng dẫn việc quản lý, sử dụng khoản tiền sử dụng đất phải nộp đối với quỹ đất 20% tại dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại, khu đô thị theo quy định.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Bộ Xây dựng     |
| 43 | Hướng dẫn áp dụng công nghệ thông minh trong quy hoạch, quản lý phát triển đô thị, phát triển hạ tầng đô thị thông minh và các tiện ích thông minh cho dân cư đô thị; Đầu tư xây dựng khu đô thị mới áp dụng các giải pháp đô thị thông minh. Hỗ trợ công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực về phát triển đô thị thông minh.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Bộ Xây dựng     |
| 44 | Ban hành các quy định về cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ để khuyến khích, thu hút các nhà đầu tư tham gia; trách nhiệm của chủ đầu tư, của chính quyền địa phương trong việc đầu tư xây dựng, phát triển các khu đô thị mới theo định hướng đô thị thông minh.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Bộ Xây dựng     |
| 45 | Trường hợp chưa có các văn bản quy phạm pháp luật, các quy định về cơ chế chính sách ưu đãi, hỗ trợ trách nhiệm của chủ đầu tư, chính quyền địa phương, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hoặc các tiêu chí, yêu cầu và điều kiện nêu trên, đề nghị hướng dẫn xây dựng các tiêu chí, yêu cầu và điều kiện cần thiết (gồm cả các tiêu chí định tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Bộ Xây dựng     |

| TT | Nội dung đề xuất, kiến nghị                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Cơ quan chủ trì       |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|
|    | và định lượng) để đánh giá, xác định khu đô thị thông minh, các cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ để khuyến khích, thu hút các nhà đầu tư tham gia, làm cơ sở để triển khai đầu tư xây dựng, phát triển một số khu đô thị mới trên địa bàn Thành phố theo định hướng đô thị thông minh.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                       |
| 46 | Trình Chính phủ ban hành Nghị định việc quản lý, sử dụng và khai thác quỹ nhà, đất giao cho Tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Bộ Tài chính          |
| 47 | Hoàn chỉnh phần mềm quản lý và sử dụng hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản để thống nhất quản lý, vận hành, khai thác hệ thống; góp phần minh bạch thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Bộ Xây dựng           |
| 48 | Dự thảo, trình Chính phủ ban hành Nghị định thay thế cho Nghị định số 39/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010, Nghị định số 72/2012/NĐ-CP ngày 24/9/2012, Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021...                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Bộ Xây dựng           |
| 49 | Tham mưu, hoàn thiện việc ban hành mới hoặc thay thế các Quy chuẩn, tiêu chuẩn thiết kế công trình công cộng đã lâu, có nội dung không còn phù hợp trong giai đoạn mới (VD: Thay thế Quy chuẩn Việt nam QCVN 05:2008/BXD về Nhà ở và công trình công cộng - An toàn sinh mạng và sức khỏe; Thay thế các Tiêu chuẩn thiết kế trường học; Ban hành Tiêu chuẩn thiết kế outlet...)                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Bộ Xây dựng           |
| 50 | Hướng dẫn, hỗ trợ các giải pháp cụ thể để các doanh nghiệp còn tồn tại các công trình chưa đảm bảo về PCCC được khắc phục từng bước các quy định PCCC hiện nay (trên cơ sở hiện trạng hệ thống PCCC đã đầu tư xây dựng từ giai đoạn trước).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Bộ Công an            |
| 51 | Sớm hoàn thiện Đề án tổng thể đầu tư xây dựng hệ thống đường sắt đô thị Thủ đô (phiên bản HN ĐA-ĐSĐT-2407-V03A) báo cáo Thủ tướng Chính Phủ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Bộ Giao thông vận tải |
| 52 | Đề nghị Kiểm toán Nhà nước Khu vực I xem xét đối với Đối với nội dung kiến nghị chưa thực hiện được tại nội dung Kiểm toán ngân sách, tiền và tài sản nhà nước năm 2012 và Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2017, vì một số lao động hợp đồng đã nghỉ, chuyển đi nơi khác, bỏ việc do lương lao động hợp đồng hệ số 1.0 không đảm bảo mức sinh hoạt tối thiểu. Các công ty giải thể, phá sản, việc thu hồi nợ ngân sách là rất khó khăn. Việc thu hồi, nộp ngân sách của đơn vị không thi công trên địa bàn huyện Chương Mỹ là rất khó khăn vì không có chế tài đối với các trường hợp không thi công trên địa bàn và cũng không thực hiện các nội dung kiến nghị của Kiểm toán. | Kiểm toán Nhà nước    |
| 53 | Đề xuất Bộ Thông tin và Truyền thông sớm hoàn thiện các quy định về quản lý hoạt động thông tin trên mạng, đáp ứng thực tế phát triển và                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Bộ Thông tin và       |

| TT | Nội dung đề xuất, kiến nghị                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Cơ quan chủ trì              |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|
|    | yêu cầu quản lý hoạt động báo chí, thông tin điện tử, cung cấp nội dung thông tin xuyên biên giới từ đó có hành lang pháp lý đầy đủ, phù hợp, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý hoạt động này trong tình hình hiện nay.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Truyền thông                 |
| 54 | Đề xuất Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng hệ thống dữ liệu dùng chung toàn ngành thông tin và truyền thông nhằm tăng hiệu quả quản lý. Xây dựng các giải pháp kỹ thuật nhằm tăng cường tính chủ động, kịp thời trong công tác quản lý internet, quảng cáo và mạng xã hội; cho phép các Sở Thông tin và Truyền thông được dùng chung công cụ phần mềm phục vụ công tác tìm kiếm, giám sát, lưu trữ, phân tích, đánh giá thông tin... để cùng phối hợp thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước.                                                                                                                                                                                                                                                                      | Bộ Thông tin và Truyền thông |
| 55 | Đề xuất Bộ Thông tin và Truyền thông Báo cáo Chính phủ sớm ban hành các Nghị định hướng dẫn Luật Viễn thông năm 2023 và ban hành các Thông tư hướng dẫn để Sở Thông tin và Truyền thông có cơ sở tham mưu UBND Thành phố triển khai Quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động, phát triển hạ tầng viễn thông trên địa bàn thành phố Hà Nội.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Bộ Thông tin và Truyền thông |
| 56 | Kiến nghị cơ quan Trung ương và Thanh tra Chính phủ hướng dẫn các tiêu chí báo cáo, phạm vi, thời hạn báo cáo và việc phối hợp giữa các cơ quan kiểm soát tài sản thu nhập (TSTN). Quan tâm tăng cường tổ chức các hội nghị tập huấn, tọa đàm, trao đổi kinh nghiệm, hướng dẫn nghiệp vụ chuyên sâu cho các cơ quan kiểm soát TSTN; hỗ trợ các nguồn lực để xây dựng cơ sở dữ liệu về kiểm soát TSTN; hướng dẫn thực hiện thống nhất việc kiểm soát tài sản thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn của cơ quan, đơn vị, đảm bảo phân định rõ về thẩm quyền, trách nhiệm, đối tượng, tránh bị trùng lặp giữa các cơ quan trong việc thực hiện kiểm soát TSTN; ban hành Thông tư hướng dẫn việc thực hiện xác minh TSTN làm cơ sở thực hiện thống nhất, đúng quy định. | Thanh tra Chính phủ          |
| 57 | Đề nghị Ủy ban Dân tộc sớm trình Chính phủ sửa đổi Nghị định 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về công tác dân tộc phù hợp với tình hình mới.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Ủy ban Dân tộc               |
| 58 | Đề nghị Ủy ban Dân tộc nghiên cứu, trình cấp thẩm quyền quy định, hướng dẫn tổ chức bộ máy cơ quan làm công tác dân tộc có sự đồng bộ, thống nhất. Quan tâm bố trí biên chế cho đầu mối phụ trách công tác dân tộc ở cấp huyện và xã.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Ủy ban Dân tộc               |